

## **Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



## **Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 44

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 2 ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 3 ngày 26 tháng 7 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và kinh doanh thương mại vỏ bánh xe.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 1 chi nhánh là Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại Số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ("HĐQT")

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Bảo Ngọc	Trưởng ban
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên
Bà Trịnh Thị Thơm	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Bá Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Bá Thọ.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:


- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Lê Bá Thọ  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61280423/22633563/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 17 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 8 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>420.425.969.158</b>	<b>329.478.232.431</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>170.326.892.578</b>	<b>126.137.910.648</b>
111	1. Tiền		48.326.892.578	33.037.910.648
112	2. Các khoản tương đương tiền		122.000.000.000	93.100.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>73.298.975.784</b>	<b>72.953.334.987</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	73.298.975.784	72.953.334.987
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>168.642.237.848</b>	<b>125.063.529.262</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		91.478.315.710	92.439.776.991
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		52.248.570.091	40.786.463.166
135	3. Phải thu cho vay ngắn hạn		17.000.000.000	
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		24.305.329.166	8.135.266.224
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.389.977.119)	(16.297.977.119)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>7.970.177.116</b>	<b>5.144.697.296</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	7.970.177.116	5.144.697.296
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>187.685.832</b>	<b>178.760.238</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	150.000.000	150.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		37.685.832	28.760.238
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.062.727.624.388</b>	<b>1.034.169.494.034</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>7.086.450.000</b>	<b>26.450.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	7.086.450.000	26.450.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>474.673.120.531</b>	<b>477.562.698.364</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	468.766.367.198	471.595.307.531
222	Nguyên giá		736.330.318.201	720.731.785.444
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(267.563.951.003)	(249.136.477.913)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.906.753.333	5.967.390.833
228	Nguyên giá		6.172.545.000	6.172.545.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(265.791.667)	(205.154.167)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>55.966.178.082</b>	<b>282.951.900</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	55.966.178.082	282.951.900
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>518.305.159.028</b>	<b>549.640.956.501</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.1	510.492.653.527	541.070.486.539
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		813.124.639	813.124.639
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13	6.999.380.862	7.757.345.323
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.696.716.747</b>	<b>6.656.437.269</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	6.524.572.071	6.656.437.269
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	172.144.676	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.483.153.593.546</b>	<b>1.363.647.726.465</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>289.498.577.361</b>	<b>275.659.241.678</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>145.769.325.933</b>	<b>133.564.818.459</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	40.799.411.426	20.197.700.475
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	7.727.984.677	5.204.490.140
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	16.622.716.304	8.176.600.997
314	4. Phải trả người lao động	17	11.105.151.951	16.780.096.882
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.610.392.952	3.451.142.086
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.100.000.000	13.261.696.363
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	49.658.297.185	50.924.787.238
320	8. Vay ngắn hạn	19	12.885.263.219	13.698.141.286
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.260.108.219	1.870.162.992
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>143.729.251.428</b>	<b>142.094.423.219</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	24.947.066.950	24.911.932.000
338	2. Vay dài hạn	19	115.242.306.628	114.802.862.275
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	120.632.644
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	3.11	3.539.877.850	2.258.996.300
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.193.655.016.185</b>	<b>1.087.988.484.787</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.193.655.016.185</b>	<b>1.087.988.484.787</b>
411	1. Vốn cổ phần	20.1	671.000.000.000	671.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		671.000.000.000	671.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	20.1	530.450.206	530.450.206
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	18.113.801.578	17.975.192.605
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.1	49.565.919.026	49.565.919.026
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	448.701.399.643	342.689.986.846
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		337.625.782.514	194.246.340.642
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		111.075.617.129	148.443.646.204
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20.7	5.743.445.732	6.226.936.104
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.483.153.593.546</b>	<b>1.363.647.726.465</b>



Phạm Quang Minh  
Người lập



Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng



  
Lê Bá Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	416.114.536.439	202.433.392.879
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(303.027.468.800)	(148.437.857.384)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		113.087.067.639	53.995.535.495
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	57.933.806.457	7.752.513.426
22	5. Chi phí tài chính	23	(4.109.079.578)	(6.092.405.994)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.704.670.240)	(3.119.770.174)
24	6. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	13.1	(27.765.333.012)	6.170.836.009
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(10.443.839.834)	(8.897.034.605)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		128.702.621.672	52.929.444.331
31	9. Thu nhập khác		3.613.202.436	77.338.404
32	10. Chi phí khác		(72.783.608)	(71.077.776)
40	11. Lợi nhuận khác		3.540.418.828	6.260.628
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		132.243.040.500	52.935.704.959
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(21.508.916.698)	(9.572.653.480)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	292.777.320	200.020.061
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		111.026.901.122	43.563.071.540
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		111.075.617.129	43.195.458.970
62	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20.7	(48.716.007)	367.612.570
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	1.655	631
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	1.655	631

Phạm Quang Minh  
Người lập

Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng

Lê Bá Thọ  
Tổng Giám đốc



Ngày 17 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>132.243.040.500</b>	<b>52.935.704.959</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	25.068.401.943	20.055.623.444
03	Dự phòng		92.000.000	2.167.401.931
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(215.125.784)	160.462.437
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(33.816.520.786)	(13.923.349.435)
06	Chi phí lãi vay	23	3.704.670.240	3.119.770.174
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>127.076.466.113</b>	<b>64.515.613.510</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(25.383.003.240)	26.585.914.124
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(2.825.479.820)	1.921.947.679
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.638.365.163	(2.922.665.929)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		131.865.198	(824.089.677)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.704.670.240)	(2.366.443.961)
15	Thuế TNDN đã nộp	16	(13.918.642.121)	(6.152.860.778)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(834.878.847)	(152.887.900)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>83.180.022.206</b>	<b>80.604.527.068</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(84.639.828.292)	(92.547.307.412)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		3.546.363.635	-
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác		(48.672.087.917)	(1.639.906.601)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		32.084.411.581	46.200.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác		-	(300.300.101.250)
26	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào các đơn vị khác		2.812.500.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.456.637.223	4.983.667.947
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(38.412.003.770)</b>	<b>(343.303.647.316)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19	6.264.854.747	235.967.954.436
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(6.423.162.677)	(4.220.069.019)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	20.7	(420.728.576)	(351.648.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		<b>(579.036.506)</b>	<b>231.396.237.417</b>
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		<b>44.188.981.930</b>	<b>(31.302.882.831)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		<b>126.137.910.648</b>	<b>75.025.659.046</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	14.733.928
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<b>170.326.892.578</b>	<b>43.737.510.143</b>

  
 Phạm Quang Minh  
 Người lập

  
 Trịnh Văn Quý  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Bá Thọ  
 Tổng Giám đốc



Ngày 17 tháng 8 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam, các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết như sau:

### Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 2 ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 3 ngày 26 tháng 7 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và kinh doanh thương mại vỏ bánh xe.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 1 chi nhánh là Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có ba (3) công ty con và bốn (4) công ty liên doanh và liên kết với chi tiết như sau:

Công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng, cho thuê nhà	86,15	86,15
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi	70,00	70,00
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng	51,00	51,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có ba (3) công ty con và bốn (4) công ty liên doanh và liên kết với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %
<b>Công ty liên doanh và liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai ("PDN")	Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ cảng	20,25	20,25
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")	Hồ Chí Minh	Xây dựng và kinh doanh khu cảng container, kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng sử dụng dịch vụ cảng container	37,00	37,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747")	Nghệ An	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	49,00	49,00
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam ("SOWATCOSER")	Hồ Chí Minh	Cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	26,27	26,27

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 469 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 391).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

### **2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Tổng Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng của thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tổng Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất, được trích hao mòn theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### 3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm	8 năm

#### 3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tổng Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư vào công ty liên doanh*

Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tổng Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tổng Công ty trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư vào liên doanh (tiếp theo)*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 *Phân chia lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.14 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

*Doanh thu hợp đồng xây dựng (tiếp theo)*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

#### 3.16 Thuế

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải; cơ khí đóng tàu; xây dựng; xuất khẩu lao động; kinh doanh thương mại; và hoạt động đầu tư tài chính trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

#### 3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	1.597.085.084	1.200.874.521
Tiền gửi ngân hàng	46.729.807.494	31.837.036.127
Các khoản tương đương tiền (*)	122.000.000.000	93.100.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>170.326.892.578</b>	<b>126.137.910.648</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 2,8% đến 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có thời hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 4,0%/năm. Trong đó, Tổng Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng của Tổng Công ty (Thuyết minh số 19).

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

### 6.1 Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>91.478.315.710</b>	<b>92.439.776.991</b>
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	11.500.117.518	14.735.225.482
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	19.392.432.200	16.775.288.750
MSC Mediterranean Shipping Company S.A.	11.046.756.436	11.038.589.683
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải (TCTT)	9.520.335.000	11.029.150.000
Khách hàng khác	40.018.674.556	38.861.523.076
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>52.248.570.091</b>	<b>40.786.463.166</b>
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	29.299.789.100	23.000.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật - Công nghệ CDV	4.830.477.645	-
Công ty TNHH Xây dựng Asean	3.742.000.091	3.956.475.000
Công ty TNHH Cummins DKSH Việt Nam	3.621.123.000	-
Liebherr-MCCTec Rostock GmbH	3.156.655.000	-
Công ty TNHH Máy thiết bị Vinci Việt Nam	-	5.462.016.155
Công ty TNHH Đại Kết đoàn	-	4.655.053.175
Người bán khác	7.598.525.255	3.712.918.836
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>24.305.329.166</b>	<b>8.135.266.224</b>
Trong đó:		
Ký quỹ mở thư tín dụng (*)	13.062.800.000	-
Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của thuyền viên từ các đại lý	4.474.784.508	3.750.109.705
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.181.003.560	2.669.257.387
Phải thu ngắn hạn khác	2.586.741.098	1.715.899.132
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(16.389.977.119)</b>	<b>(16.297.977.119)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>168.642.237.848</b>	<b>125.063.529.262</b>

(\*) Đây là khoản ký quỹ để mua cầu hàng Liebherr với tổng giá trị hợp đồng là 1.130.000 EUR để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (continued)**

**6.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vào ngày 31 tháng 12	16.297.977.119	16.310.818.815
Dự phòng trích lập trong kỳ	92.000.000	331.380.900
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(453.598.069)
Vào ngày 30 tháng 6	<u>16.389.977.119</u>	<u>16.188.601.646</u>

**6.3 Nợ xấu**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	6.463.918.325	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ	3.027.910.886	-
Công ty TNHH Xi măng Sơn Hồng	1.000.000.000	-
Khác	6.310.776.020	412.628.112
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.802.605.231</u></b>	<b><u>504.628.112</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nguyên liệu, vật liệu	6.369.733.440	2.444.995.077
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.247.105.519	1.829.731.517
Hàng hóa	342.645.518	10.692.639
Công cụ, dụng cụ	10.692.639	342.645.518
Hàng đang đi trên đường	-	516.632.545
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.970.177.116</u></b>	<b><u>5.144.697.296</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê văn phòng	150.000.000	150.000.000
<b>Dài hạn</b>		
Thiết bị, phụ tùng, công cụ dụng cụ	3.709.957.627	3.198.383.399
Chi phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp liên quan đến khoản vay (Thuyết minh số 19)	1.886.918.750	2.232.254.750
Chi phí thuê phương tiện vận tải	927.695.694	1.190.593.422
Khác	-	35.205.698
	6.524.572.071	6.656.437.269
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.674.572.071</b>	<b>6.806.437.269</b>

**9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đặt cọc thuê cảng (*)	7.000.000.000	-
Khác	86.450.000	26.450.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.086.450.000</b>	<b>26.450.000</b>

(\*) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam, chủ sở hữu của công ty mẹ, để thuê khu cảng ICD Sotrans tại Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 cho đến khi có thỏa thuận khác (Thuyết minh số 27).

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	323.405.353.600	258.377.291.678	138.370.197.272	578.942.894	720.731.785.444
Mua trong kỳ	-	22.178.824.110	-	-	22.178.824.110
Thanh lý trong kỳ	-	(6.580.291.353)	-	-	(6.580.291.353)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	323.405.353.600	273.975.824.435	138.370.197.272	578.942.894	736.330.318.201
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	20.669.265.520	27.185.453.522	8.911.997.314	578.942.894	57.345.659.250
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	114.360.409.225	102.614.238.500	31.582.887.294	578.942.894	249.136.477.913
Khấu hao trong kỳ	6.889.711.650	11.078.219.951	7.039.832.842	-	25.007.764.443
Thanh lý trong kỳ	-	(6.580.291.353)	-	-	(6.580.291.353)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	121.250.120.875	107.112.167.098	38.622.720.136	578.942.894	267.563.951.003
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	209.044.944.375	155.763.053.178	106.787.309.978	-	471.595.307.531
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	202.155.232.725	166.863.657.337	99.747.477.136	-	468.766.367.198

Tổng Công ty đã sử dụng các phương tiện vận tải với tổng giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 140.724.904.500 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

# 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020			
và ngày 30 tháng 6 năm 2021	5.202.345.000	970.200.000	6.172.545.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	205.154.167	205.154.167
Hao mòn trong kỳ	-	60.637.500	60.637.500
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	265.791.667	265.791.667
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.202.345.000	765.045.833	5.967.390.833
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	5.202.345.000	704.408.333	5.906.753.333

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có quyền sử dụng đất tại các địa điểm sau:

- Quyền sử dụng đất tại số 1461 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ở giữa Công ty với Công ty TNHH Liên doanh Phú Mỹ Hưng ("PMH") ngày 20 tháng 6 năm 2009 với nguyên giá ghi nhận là 2.535.120.000 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất từ PMH sang Tổng Công ty.
- Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ngày 7 tháng 7 năm 1999 với nguyên giá ghi nhận là 2.667.225.000 VND.

Ngày 21 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty nhận được Quyết định số 3573/QĐ-UBND từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Tổng Công ty được sử dụng khu đất này dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tiếp tục sử dụng làm văn phòng và ủy quyền cho Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác định tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty nhận được tờ trình số 572/TTr-TVC-HĐTĐGTP từ Tổ chuyên viên trình Hội đồng Thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và phê duyệt, theo đó chi phí sử dụng đất được ước tính là 11.185.314.538 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty không nhận thêm bất kỳ văn bản nào khác từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chi phí sử dụng đất phải nộp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hiện nay chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, và do đó Tổng Công ty đã không ghi nhận khoản nợ phải trả với số tiền nêu trên trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí đóng mới và hoán cải tàu	34.006.547.302	183.000.000
Chi phí đầu tư hạ tầng cảng Long Bình	21.381.003.838	-
Khác	578.626.942	99.951.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.966.178.082</b>	<b>282.951.900</b>

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	510.492.653.527	541.070.486.539
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	6.999.380.862	7.757.345.323
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	813.124.639	813.124.639
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>518.305.159.028</b>	<b>549.640.956.501</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có thời hạn còn lại trên mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,9%/năm đến 5,3%/năm.

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 13.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	VND
<b>Giá trị đầu tư</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	300.300.101.250	155.730.813.876	3.561.349.400	3.039.240.000	462.631.504.526
Cổ tức của giai đoạn trước ngày đầu tư	(2.812.500.000)	-	-	-	(2.812.500.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	297.487.601.250	155.730.813.876	3.561.349.400	3.039.240.000	459.819.004.526
<b>Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi liên doanh/mua các công ty liên doanh, liên kết</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	17.419.885.827	64.397.898.934	(3.561.349.400)	182.546.652	78.438.982.013
Cổ tức nhận được trong kỳ	(2.812.500.000)	(51.481.800.000)	-	-	(54.294.300.000)
Phần lãi trong công ty liên kết trong kỳ	18.583.492.536	7.938.848.011	-	6.626.441	26.528.966.988
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	33.190.878.363	20.854.946.945	(3.561.349.400)	189.173.093	50.673.649.001
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	317.719.987.077	220.128.712.810	-	3.221.786.652	541.070.486.539
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	330.678.479.613	176.585.760.821	-	3.228.413.093	510.492.653.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả bên thứ ba	38.699.451.426	18.734.140.474
<i>Công ty TNHH Giao nhận Vận tải     Thịnh Phát</i>	12.350.360.000	6.942.960.000
<i>Công ty TNHH Quảng cáo Tiếp thị Ban Mai</i>	4.909.234.782	2.617.133.011
<i>Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Lê Khôi</i>	-	2.344.644.850
<i>Người bán khác</i>	21.439.856.644	6.829.402.613
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	2.099.960.000	1.463.560.001
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.799.411.426</b>	<b>20.197.700.475</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	5.786.362.999	4.060.300.000
Bên thứ ba	1.941.621.678	1.144.190.140
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.727.984.677</b>	<b>5.204.490.140</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>"Thuế TNDN"</i> )	5.698.456.040	21.508.916.698	(13.918.642.121)	13.288.730.617
Thuế giá trị gia tăng	1.980.170.417	9.990.889.602	(10.008.504.605)	1.962.555.414
Thuế thu nhập cá nhân	497.974.540	1.765.485.066	(1.620.282.591)	643.177.015
Khác	-	3.636.703.493	(2.908.450.235)	728.253.258
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.176.600.997</b>	<b>36.934.134.859</b>	<b>(28.488.019.552)</b>	<b>16.622.716.304</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí lãi vay	495.890.412	290.410.959
Trích thưởng cho Ban điều hành	-	3.000.000.000
Khác	1.114.502.540	160.731.127
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.610.392.952</b>	<b>3.451.142.086</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả cho thuyền viên	10.482.728.823	11.661.614.251
Doanh thu chưa thực hiện	7.350.050.396	8.765.387.650
Nhận ký quỹ từ thuyền viên	3.400.194.000	4.102.130.000
Phải trả hãng tàu	3.211.691.813	3.211.691.813
Lãi tiền gửi phải trả thuyền viên	1.590.367.944	1.432.287.607
Bảo hiểm thuyền viên	1.450.949.764	1.633.850.231
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.172.314.445	20.117.825.686
	<u>49.658.297.185</u>	<u>50.924.787.238</u>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ từ thuyền viên	13.915.800.000	13.915.800.000
Nhận đặt cọc cho hợp đồng hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	10.000.000.000
Nhận ký quỹ thuê nhà và thuê sân bãi	1.031.266.950	996.132.000
	<u>24.947.066.950</u>	<u>24.911.932.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>74.605.364.135</u></b>	<b><u>75.836.719.238</u></b>

**19. VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>12.885.263.219</u>	<u>13.698.141.286</u>
<b>Dài hạn</b>		
Vay dài hạn ngân hàng	<u>115.242.306.628</u>	<u>114.802.862.275</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>128.127.569.847</u></b>	<b><u>128.501.003.561</u></b>

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	13.698.141.286	114.802.862.275	128.501.003.561
Tiền thu từ đi vay	-	6.264.854.747	6.264.854.747
Phân loại lại	5.610.284.610	(5.610.284.610)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(6.423.162.677)	-	(6.423.162.677)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(215.125.784)	(215.125.784)
	<u>12.885.263.219</u>	<u>115.242.306.628</u>	<u>128.127.569.847</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021			



# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 19. VAY (tiếp theo)

Tổng Công ty có các khoản vay dài hạn theo các Hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE ngày 8 tháng 10 năm 2010) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty. Tổng Công ty cũng có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng khác để tài trợ cho các dự án của Tổng Công ty.

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Mục đích vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Điều khoản thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
		VND	Nguyên tệ USD			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II						
Hiệp định vay các Nghịệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR")	Tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Công ty	46.539.300.423	2.012.945	Nợ gốc và lãi trả hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và 15 tháng 11, nợ gốc bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2034	Lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo (1.50%)	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 8.605.365.449 VND (Thuyết minh số 10), và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5)
Hiệp định vay các Nghịệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF")	Tài trợ cho các dự án củng cố và tái cấu trúc hoạt động của Công ty	5.706.488.573	246.820	Nợ gốc và lãi trả hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và 15 tháng 11, nợ gốc bắt đầu từ năm 2018 đến năm 2041	Lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1.5%/năm trong các năm sau đó (1.0%)	



# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 19. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Mục đích vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Điều khoản thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
		VND	Nguyên tệ USD			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh						
Khoản vay 1 - VND	Tài trợ cho Dự án đầu tư 2 tàu hàng 250TEUs	24.000.506.722	-	Nợ gốc được trả ba tháng/lần vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi tương ứng, bắt đầu từ năm 2019 đến năm 2025. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng	Lãi suất 9%/năm trong 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (2018). Kể từ các kỳ trả lãi tiếp theo, lãi suất bằng 3%/năm cộng với lãi suất cơ sở	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 46.190.000.018 VND (Thuyết minh số 10)
Khoản vay 2 - VND	Tài trợ cho Dự án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ Cảng Long Bình	26.518.103.105	-	Nợ gốc trả vào ngày 31 tháng 1 năm 2030. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng	Lãi suất 9%/năm trong 2 năm kể từ ngày 31 tháng 1 năm 2020. Từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 7, lãi suất bằng 3%/năm cộng với lãi suất cơ sở. Từ năm thứ 8 trở đi, lãi suất bằng 3,5%/năm cộng với lãi suất cơ sở.	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 46.460.632.564 VND (Thuyết minh số 10)

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

19. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Mục đích vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Điều khoản thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
		VND	Nguyên tệ USD			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh						
Khoản vay - VND	Tài trợ cho Dự án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ Cảng Long Bình	19.098.316.277	-	Nợ gốc được trả ba tháng/lần vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi tương ứng, bắt đầu từ năm 2020 đến năm 2027.	Lãi suất 9%/năm trong năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên (2020). Kể từ các kỳ trả lãi tiếp theo, lãi suất bằng 2,8%/năm cộng với lãi suất cơ sở	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 39.468.906.469 VND (Thuyết minh số 10)
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Charter Việt Nam						
Khoản vay - VND	Tài trợ cho Dự án đầu tư 2 tàu hàng 301TEUs	6.264.854.747	-	Nợ gốc trả hàng quý, bắt đầu từ 2022 đến 2026. Lãi vay được trả ba tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	3,5%/năm cộng với chi phí vốn của ngân hàng (6,04%)	Phương tiện vận tải hình thành trong tương lai từ khoản vay
TỔNG CỘNG		128.127.569.847	2.259.765			
Trong đó						
Vay dài hạn		115.242.306.628	2.172.395			
Vay dài hạn đến hạn trả		12.885.263.219	87.370			

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	671.000.000.000	530.450.206	17.975.192.605	49.565.919.026	196.538.962.992	935.610.524.829	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	43.195.458.970	43.195.458.970	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.085.622.350)	(2.085.622.350)	
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(207.000.000)	(207.000.000)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	671.000.000.000	530.450.206	17.975.192.605	49.565.919.026	237.441.799.612	976.513.361.449	
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	671.000.000.000	530.450.206	17.975.192.605	49.565.919.026	342.689.986.846	1.081.761.548.683	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	111.075.617.129	111.075.617.129	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.184.864.777)	(3.184.864.777)	
Thù lao và khen thưởng	-	-	-	-	-	-	
Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(1.714.817.074)	(1.714.817.074)	
Phân phối quỹ	-	-	138.608.973	-	(138.608.973)	-	
Các khoản khác	-	-	-	-	(25.913.508)	(25.913.508)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	671.000.000.000	530.450.206	18.113.801.578	49.565.919.026	448.701.399.643	1.187.911.570.453	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Cổ đông**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	% sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	56.625.000	566.250.000.000	84,39
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	6.000.000	60.000.000.000	8,94
Cổ đông khác	4.475.000	44.750.000.000	6,67
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.100.000</b>	<b>671.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**20.3 Cổ phiếu**

	Số cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	67.100.000	67.100.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	67.100.000	67.100.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**20.4 Lãi trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND)	111.075.617.129	43.195.458.970
Trừ: Quý khen thưởng phúc lợi (VND) (i)	-	(879.015.655)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>111.075.617.129</b>	<b>42.316.443.315</b>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành bình quân	67.100.000	67.100.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	1.655	631
- Lãi suy giảm	1.655	631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.4 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)**

- (i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Số 82/SWC/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 10 tháng 6 năm 2021.

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**20.5 Cổ tức**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Cổ tức đã công bố và trả trong kỳ	-	-

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Số 82/SWC/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 10 tháng 6 năm 2021, các cổ đông Công ty đã thông qua mức cổ tức năm 2020 là 0% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông.

**20.6 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nguồn vốn xây dựng cơ bản Cảng Long Bình	47.725.378.239	47.725.378.239
Quỹ sắp xếp cổ phần hóa	1.840.540.787	1.840.540.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.565.919.026</b>	<b>49.565.919.026</b>

**20.7 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vào ngày 31 tháng 12	6.226.936.104	6.221.645.312
(Lỗ) lợi nhuận thuần trong kỳ	(48.716.007)	367.612.570
Cổ tức đã trả	(420.728.576)	(351.648.000)
Các khoản khác	(14.045.789)	-
Vào ngày 30 tháng 6	<b>5.743.445.732</b>	<b>6.237.609.882</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu cung cấp dịch vụ	380.630.230.277	201.374.608.119
Doanh thu xây dựng	34.250.486.960	-
Doanh thu bán hàng hóa	1.233.819.202	1.058.784.760
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>416.114.536.439</b>	<b>202.433.392.879</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với khách hàng khác	394.541.707.412	177.591.099.040
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	21.572.829.027	24.842.293.839

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Cổ tức và lợi nhuận được chia	54.294.236.400	-
Lãi tiền gửi	3.424.444.273	3.244.268.132
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	215.125.784	-
Thu nhập từ ủy thác đầu tư	-	4.508.245.294
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.933.806.457</b>	<b>7.752.513.426</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	267.926.068.396	147.736.941.021
Giá vốn xây dựng	34.107.293.277	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	994.107.127	700.916.363
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>303.027.468.800</b>	<b>148.437.857.384</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí lãi vay	3.704.670.240	3.119.770.174
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh	-	2.621.000.000
Chi phí tài chính khác	404.409.338	351.635.820
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.109.079.578</b>	<b>6.092.405.994</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí nhân viên	3.935.939.499	4.289.539.528
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	3.492.658.359	3.130.588.528
Chi phí khấu hao và hao mòn	257.137.926	307.082.424
Chi phí khác	2.758.104.050	1.169.824.125
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.443.839.834</b>	<b>8.897.034.605</b>

**25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.576.126.017	75.151.065.683
Chi phí nhân viên	39.222.220.022	34.408.234.216
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	25.068.401.943	20.055.623.444
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu	21.748.965.763	20.294.983.814
Giá vốn hàng hóa đã bán	994.107.127	700.916.363
Chi phí khác	7.861.487.762	6.724.068.469
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>313.471.308.634</b>	<b>157.334.891.989</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 26.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.508.916.698	9.572.653.480
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(292.777.320)	(200.020.061)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.216.139.378</b>	<b>9.372.633.419</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>132.243.040.500</b>	<b>52.935.704.959</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	26.448.608.100	10.587.140.991
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ (lãi) thuần từ công ty liên kết trong kỳ	5.553.066.602	(1.234.167.202)
Các chi phí không được trừ	73.324.676	19.659.630
Thu nhập không chịu thuế TNDN	(10.858.860.000)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>21.216.139.378</b>	<b>9.372.633.419</b>

### 26.2 Thuế thu TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**26.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Tổng Công ty đã ghi nhận các tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) cùng với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

		VND	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
Chênh lệch khấu hao	247.480.639	210.879.629	36.601.010
Các khoản dự phòng	(75.335.963)	(331.512.273)	256.176.310
Lãi dự thu	-	-	-
			(318.948.869)
<b>Tài sản thuế hoãn lại (thuế hoãn lại phải trả)</b>	<b>172.144.676</b>	<b>(120.632.644)</b>	
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>292.777.320</b>
			<b>200.020.061</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tổng Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")	Công ty liên doanh	Nhận cổ tức	51.481.800.000	-
		Cung cấp dịch vụ	19.873.208.179	19.395.372.504
		Bán hàng hóa	1.233.819.202	1.058.784.760
		Sử dụng dịch vụ	206.547.993	438.928.014
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	Công ty trong cùng Tập đoàn (*)	Cho vay	29.000.000.000	-
		Thu hồi cho vay	29.000.000.000	-
		Nhận trả trước về cung cấp dịch vụ	3.686.403.000	4.060.300.000
		Lãi cho vay	168.077.397	-
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	26.680.916.238	-
		Mua nhiên liệu, vật liệu	10.715.325.090	12.252.691.010
		Đặt cọc	7.000.000.000	-
		Nhận trả trước về cung cấp dịch vụ	2.099.959.999	-
		Vay	-	60.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn (*)	Cho vay	17.000.000.000	-
		Lãi cho vay	148.668.493	-
		Cung cấp dịch vụ	587.209.002	219.072.710
		Sử dụng dịch vụ	-	367.872.726
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	5.625.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	3.945.455	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn (*)	Cung cấp dịch vụ	981.330.664	4.038.218.056
		Sử dụng dịch vụ	397.754.823	19.677.272
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường Thủy Miền Nam ("SOWATCOSER")	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	127.135.727	130.845.809

(\*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (chủ sở hữu của công ty mẹ) và các công ty con của công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
SOWATCO-ECO 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325
VICT	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	4.215.929.815	5.938.933.392
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	820.269.378	2.332.373.765
			<b>11.500.117.518</b>	<b>14.735.225.482</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	29.299.789.100	23.000.000.000
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay (*)	17.000.000.000	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Đặt cọc	7.000.000.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	2.099.960.000	1.463.560.000
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	2.099.959.999	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.686.403.000	4.060.300.000
			<b>5.786.362.999</b>	<b>4.060.300.000</b>

(\*) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trình bày khoản cho vay tín chấp có hưởng lãi suất 6,65%/năm và đáo hạn vào ngày 14 tháng 8 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Bá Thọ	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1.544.000.000	722.900.000
Ông Tô Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc	748.000.000	428.300.000
Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 29 tháng 6 năm 2020)	459.231.642	-
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	357.785.314	30.000.000
Bà Trần Bảo Ngọc	Trưởng Ban Kiểm soát	149.169.492	-
Ông Nguyễn Sĩ Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát	122.307.910	-
Bà Trịnh Thị Thơm	Thành viên Ban Kiểm soát	122.307.910	-
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 17 tháng 6 năm 2020)	-	493.192.308
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.502.802.268</b>	<b>1.674.392.308</b>

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tổng Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	1.971.113.112	2.256.084.137
Trên 1 - 5 năm	2.256.084.137	3.384.126.206
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.227.197.249</b>	<b>5.640.210.343</b>

**29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực hoạt động là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải; cơ khí đóng tàu; xây dựng; xuất khẩu lao động; kinh doanh thương mại; và hoạt động đầu tư tài chính trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Hoạt động đầu tư tài chính	VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>							
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>1.233.819.202</b>	<b>3.219.020.146</b>	<b>36.740.496.500</b>	<b>3.188.477.662</b>	<b>371.732.722.929</b>	<b>29.905.757.571</b>	<b>446.020.294.010</b>
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>239.712.075</b>	<b>-</b>	<b>844.772.403</b>	<b>1.098.121.548</b>	<b>110.904.461.613</b>	<b>30.448.699.412</b>	<b>143.535.767.051</b>
<u>Đối chiếu</u>							
Doanh thu không phân bổ							3.613.202.436
Lãi tiền gửi							3.424.444.273
Chi phí lãi vay							(3.704.670.240)
Chi phí không phân bổ							(14.625.703.020)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							132.243.040.500
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>							
Khấu hao	-	-	71.915.646	-	24.996.486.297	-	25.068.401.943
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	(92.000.000)	-	-	(92.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021							
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>-</b>	<b>7.114.949.546</b>	<b>4.038.472.205</b>	<b>-</b>	<b>735.394.843.729</b>	<b>600.259.922.880</b>	<b>1.346.808.188.360</b>
<u>Đối chiếu:</u>							
Tài sản không phân bổ							136.345.405.186
Tổng tài sản							1.483.153.593.546
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>- 79.622.829.592</b>	<b>39.927.293.168</b>	<b>-</b>	<b>119.550.122.760</b>
<u>Đối chiếu:</u>							
Nợ phải trả không phân bổ							169.948.454.601
Tổng nợ phải trả							289.498.577.361

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## 29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau: (tiếp theo)

	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Hoạt động đầu tư tài chính	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020							
Doanh thu bộ phận	1.058.784.760	5.243.530.592	3.935.450.308	4.314.595.732	187.881.031.487	15.390.826.258	217.824.219.137
Lợi nhuận bộ phận	357.868.397	-	2.368.367.317	2.272.828.954	48.996.470.827	15.893.530.564	69.889.066.059
<u>Đối chiếu</u>							
Doanh thu không phân bổ							77.338.404
Lãi tiền gửi							3.244.268.132
Chi phí lãi vay							(3.119.770.174)
Chi phí không phân bổ							(17.155.197.462)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							52.935.704.959
Các thông tin bộ phận khác							
Khấu hao	-	-	121.860.144	-	19.933.763.300	-	20.055.623.444
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	453.598.069	-	-	453.598.069
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020							
Tài sản bộ phận	-	3.885.183.680	6.889.448.883	-	720.244.917.566	628.946.551.813	1.359.966.101.942
<u>Đối chiếu:</u>							
Tài sản không phân bổ							3.681.624.523
Tổng tài sản							1.363.647.726.465
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	89.445.523.104	17.212.561.922	-	106.658.085.026
<u>Đối chiếu:</u>							
Nợ phải trả không phân bổ							169.001.156.652
Tổng nợ phải trả							275.659.241.678



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### 30. CÁC TRÌNH BÀY KHÁC CẦN THIẾT VỚI TỔNG CÔNG TY

#### ***Đại dịch Covid-19***

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty và các công ty con đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### 31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

 <hr style="width: 100%;"/> <p>Phạm Quang Minh Người lập</p>	 <hr style="width: 100%;"/> <p>Trịnh Văn Quý Kế toán trưởng</p>	 <hr style="width: 100%;"/> <p>Lê Bá Thọ Tổng Giám đốc</p>
---	--	--

Ngày 17 tháng 8 năm 2021